TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07-02-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Ông Vũ Văn Thắng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Phan Thị Ánh Duyên

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- ***Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà***: ông Nguyễn Thanh Hải-Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2017, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng M - sinh năm 1987; cư trú tại: Khu 12, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. ***Bị đơn***: Anh Bùi Quang T - sinh năm 1986; cư trú tại: Khu 12, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có ly do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2017 và trong quá trình xét xử , nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng M trình bày: Chị và anh Bùi Quang T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 26/5/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở riêng và làm ruộng tại xã Đ, huyện C. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 9/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống. Tuy đã được gia đình đình khuyên

giải nhưng hai bên không khắc phục được mâu thuẫn. Từ tháng 3/2017 đến nay, chị M về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Quang T.

Tại bản tự khai ngày 13/10/2017, bị đơn là anh Bùi Quang T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân đúng như lời trình bày của chị M. Nay chị M yêu cầu xin ly hôn, anh T đồng ý, vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thị Kim H - sinh ngày 02/5/2015, hiện nay đang ở với chị M. Ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, xác định:

Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do là chấp hành pháp luật không nghiêm túc.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng M và anh Bùi Quang T.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp nuôi con chung là Bùi Thị Kim H - sinh ngày 02/5/2015. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị M không yêu cầu.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng M và anh Bùi Quang T bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự cho thấy quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải và từ tháng 3/2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị M và anh T thuận tình ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2]. *Về con chung*: Chị M chứng minh có thu nhập ổn định, có chỗ ở, nuôi con có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ và con chung hiện dưới 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, nên cần giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo đảm sự phát triển toàn diện của con chung. Yêu cầu của anh T không có căn cứ chấp nhận.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, vì M không yêu cầu.

[3]. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức*: Hai bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Hồng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng M và anh Bùi Quang T.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao con chung là Bùi Thị Kim H- sinh ngày 02/5/2015 cho chị Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 02/2018 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

2.2. Anh Bùi Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Nguyễn Thị Hồng M không yêu cầu.

2.3. Chị Nguyễn Thị Hồng M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Bùi Quang T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng M phải chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0002688, ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Đồng Lương;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn Thắng